

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 588/2023/DS-PT

Ngày: 29/11/2023

V/v tranh chấp: “Đòi tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thơ

Bà Lưu Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông Dương Thanh Quang – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 358/2023/TLPT-DS ngày 25/10/2023 về việc tranh chấp: “Đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 823/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Võ Văn Đ, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn N, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Võ Văn Bé M, sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn anh Đặng Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo án sơ thẩm:**

Nguyên đơn anh Võ Văn Đ trình bày:

Ngày 01/11/2021, Công ty A trúng gói thầu công trình điện xóa cầu phụ thị xã C, các xã N, M, P, L, Phường C.

Anh Đặng Văn N nhận thi công gói thầu trên từ Công ty A, sau đó anh N thuê anh Đ thi công những hạng mục trong gói thầu trên cho anh N với mức tiền công là 313.000.000 đồng, sẽ thanh toán sau khi hoàn thành 100% các hạng mục. Trong quá trình thi công anh Đ đã tạm ứng số tiền 70.000.000 đồng.

Thời gian thi công từ 11/2021 đến tháng 03/2023, các hạng mục đã hoàn thành theo yêu cầu giám sát của công trình và có sự đồng ý của Điện lực C.

Ngày 16/01/2023, anh có đến gặp anh N để đề nghị thanh toán số tiền công còn lại sau khi đã trừ tạm ứng là 70.000.000 đồng, tuy nhiên anh N chưa thanh toán được nên có viết cho anh một giấy biên nhận nợ, xác nhận chưa thanh toán cho anh số tiền công còn lại 243.000.000 đồng, anh N hứa sẽ thanh toán vào tháng 02/2023 tuy nhiên anh N vẫn chưa thanh toán tiền cho anh. Anh Đ yêu cầu Tòa án buộc anh Đặng Văn N phải trả cho anh số tiền 243.000.000 đồng, trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh Đặng Văn N trình bày:

Anh N và anh Võ Văn Bé M có nhận thi công công trình sửa chữa lưới điện xóa hộ cầu phụ khu vực C-B anh ký hợp đồng với Công ty A (hợp đồng miệng) và nhận tiền trực tiếp từ Công ty 19/5, sau đó anh N và anh M thỏa thuận anh N làm khu vực C, còn anh M làm khu vực B. Anh biết anh M có thuê lại anh ruột là anh Đ để thi công, trong thời gian thi công anh có đưa tiền cho anh Võ Văn Đ là 70.000.000 đồng, đưa riêng cho anh M 03 lần tổng cộng 90.000.000 đồng để trả cho anh Đ, trong quá trình thi công anh M có cho anh Đ tạm ứng thêm số tiền 112.000.000 đồng, tiền anh M tạm ứng công trình Mỹ Lợi B làm chung với anh. Đến khi anh Đ thi công xong công trình thì chưa quyết toán được với Công ty A nên còn nợ lại đến nay. Anh N xác định anh Đ có thi công công trình khu vực C với tổng số tiền 313.000.000 đồng, công trình này do anh M chịu trách nhiệm phụ trách, anh N cho rằng đã giao số tiền thi công công trình này cho anh M tổng cộng với các lần tiền là 90.000.000 đồng cộng với 112.000.000 đồng, tổng cộng là 202.000.000 đồng và đưa cho anh Đ 70.000.000 đồng cho nên công trình này giá trị còn lại phải thanh toán là 41.000.000 đồng.

Đối với biên nhận 16/01/2023 là do anh viết biên nhận cho anh Đ với lý do anh Đ nhiều lần đến nhà hăm dọa anh vì anh chưa thanh toán được. Hơn nữa, anh Đ do thi công mà chưa quyết toán được tiền cho nhân công nên yêu cầu anh viết biên nhận để dễ trả lời. Anh N xác định biên nhận là do anh viết, chỉ có chữ nợ là không phải anh viết.

Số tiền 313.000.000 đồng trong nội dung biên nhận là giá trị công trình đã thi công khu vực C. Số tiền tạm ứng 70.000.000 đồng trong nội dung biên nhận

là do anh đưa trực tiếp cho anh Đ. Dòng chữ Võ Văn M đưa 112 triệu trong biên nhận có ý nghĩa anh M đưa tiền cho anh Đ tạm ứng cho công trình thị xã C, nguồn tiền là tiền từ công trình chung xã M giữa anh và anh M, đến nay công trình chung cũng chưa quyết toán. Số tiền 90.000.000 đồng trong biên nhận là tiền tạm ứng anh đã đưa cho anh M để trả tiền cho anh Đ.

Anh xác định anh Võ Văn M trong biên nhận là anh Võ Văn Bé M do lúc viết biên nhận ghi thiếu chữ “Bé”.

Đối với yêu cầu của anh Đ thì anh không đồng ý, anh chỉ đồng ý trả số tiền công còn lại là 41.000.000 đồng do đã thanh toán các số tiền như đã nêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn Bé M trình bày:

Anh chịu trách nhiệm giám sát kỹ thuật thi công, nhóm thi công của anh Võ Văn Đ và phụ trách kho vật tư bên A, B cấp cho công trình, trung chuyển trang thiết bị vật tư đến công trường.

Anh Đặng Văn N phụ trách giám sát kỹ thuật khu vực C chịu trách nhiệm giữ tiền tạm ứng nhân công của công trình với số tiền 1.200.000.000 đồng và đã tạm ứng hơn 80% số tiền nhân công, từng giai đoạn như giấy tạm ứng của anh Đặng Văn N với Công ty A.

Anh Đặng Văn N toàn quyền quyết định thỏa thuận giá nhân công giao lại cho anh Võ Văn Đ thi công công trình thuộc diện lực C. Trong quá trình thực hiện thi công và hoàn thiện cho đến tổng nghiệm thu, tổng số tiền thuê lại anh Võ Văn Đ khu vực C là 313.000.000 đồng. Anh Đ đã tạm ứng trực tiếp từ anh N số tiền 70.000.000 đồng. Số tiền 90.000.000 đồng như trong biên nhận nợ giữa anh N và anh Đ là anh N có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh với lý do trong suốt quá trình thi công toàn bộ chi phí trung chuyển giao nhận vật tư trang thiết bị công trình với tổng số tiền 122.750.000 đồng.

Số tiền 112.000.000 đồng trong biên nhận giữa anh Đ và anh N là số tiền cá nhân anh cho anh Võ Văn Đ mượn, không liên quan với bất cứ công trình nào với lý do anh Đ nhiều lần đến nhận tiền nhân công khi công trình đã hoàn thành nhưng anh N không trả và áp lực về tiền nhân công, nên anh Đ có mượn tạm của anh số tiền 112.000.000 đồng để giải quyết tạm thời tiền nhân công, sau khi lấy được tiền sẽ hoàn trả cho anh.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 227, 273, Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 166, 468 Bộ luật Dân sự, Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn Đ.

Buộc anh Đặng Văn N có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ nhân công là 243.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu đồng) cho anh Võ Văn Đ, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Võ Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Đặng Văn N chưa trả số tiền trên, thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

*Ngày 14/9/2023, bị đơn anh Đặng Văn N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa: Bị đơn anh Đặng Văn N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm. Nguyên đơn anh Võ Văn Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đặng Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Đặng Văn N làm trong thời hạn quy định nên được Tòa án xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

Tại biên nhận ngày 16/01/2023, anh N đã xác nhận thuê anh Đ làm công trình điện xóa hộ câu phụ Thị xã C với tổng số tiền là 313.000.000 đồng, hai bên thống nhất được số tiền anh Đ đã tạm ứng là 70.000.000 đồng. Anh N cho rằng đã chuyển cho anh M nhiều lần tiền trong khoảng thời gian thi công, nên khi anh N viết biên nhận số tiền nợ anh Đ thể hiện ba khoản tiền gồm: 70.000.000 đồng anh N cho anh Đ tạm ứng, số tiền 112.000.000 đồng anh M có cho anh Đ tạm ứng, tiền anh M tạm ứng công trình Mỹ Lợi B là 90.000.000 đồng anh chuyển

cho anh M, anh M sẽ trả cho anh Đ, nếu khấu trừ ba khoản tiền như trên thì anh chỉ còn nợ anh Đ 41.000.000 đồng.

Tuy nhiên, anh Đ không thừa nhận có nhận tạm ứng số tiền 112.000.000 đồng và 90.000.000 đồng từ phía anh N. Trong biên nhận ngày 16/01/2023 chỉ thể hiện “Võ Văn M đưa 112.000.000 đ”, đây là số tiền anh Đ mượn của anh M chứ không phải nhận từ anh N, “Võ Văn Bé M có tạm ứng N 90.000.000 đ” số tiền này anh M tạm ứng của anh N thì anh M và anh N tự giải quyết vì anh không có nhận số tiền 90.000.000 đồng từ anh M.

Anh M thừa nhận số tiền 112.000.000 đồng anh giao cho anh Đ là tiền của cá nhân anh cho anh Đ mượn để chi trả nhân công do chưa tạm ứng được tiền từ công trình, còn số tiền 90.000.000 đồng anh N chuyển trả cho anh M là chi phí khác, không liên quan gì đến anh Đ.

Như vậy, việc anh N trình bày đã thanh toán thêm cho anh Đ 02 lần là 112.000.000 đồng và 90.000.000 đồng là không có căn cứ vì anh Đ và anh M đều không thừa nhận, hai khoản tiền này là tiền của anh Đ tạm ứng của anh N. Tại phiên tòa hôm nay, anh N cũng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đặng Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Anh N phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 227, 273, Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đặng Văn N.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn Đ.

Buộc anh Đặng Văn N có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ nhân công là 243.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu đồng) cho anh Võ Văn Đ, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Võ Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Đặng Văn N chưa trả số tiền trên, thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Anh Đặng Văn N phải chịu 12.150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Võ Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho anh Đ số tiền 6.075.000 đồng tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0018565 ngày 05/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Án phí phúc thẩm: Anh Đặng Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, anh N đã nộp 300.000 đồng tạm ứng theo biên lai thu số 0018677 ngày 14/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, xem như đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã C;
- CCTHADS thị xã C;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Ngoan